

Bản án số: 143/2017/HSST.
Ngày: 17-8-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Chiến.

Các Hội thẩm nhân nhân:

1. Ông Lường Văn Pọm

2. Ông Lường Văn Linh

- Thư ký phiên toà: bà Trần Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Lường Văn Dũng – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu mở phiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 146/2017/HSST ngày 24 tháng 7 năm 2017 đối với:

1. Bị cáo Cầm Thanh P; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1998, tại xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: bản P, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 11/12; con ông Cầm Văn B, sinh 1971 và bà Lường Thị T, sinh năm 1979; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bắt tạm giam tại nhà tạm giữ tạm giam công an huyện Thuận Châu từ ngày 18/4/2017 đến nay, có mặt.

2. Bị cáo Lò Văn V; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1991, tại xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: bản T, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ văn hoá: 11/12; con ông Lò Văn S, sinh 1960 và bà Lò Thị X, sinh năm 1962; vợ là Lường Thị C, sinh năm 1994 và có 01 con 02 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; bắt giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La từ ngày 18/4/2017 đến nay, có mặt.

3. Bị cáo Quàng Văn Sơn; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1997, tại xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: bản N, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 06/12; con ông Quàng Văn D, sinh 1972 và bà Lò Thị T, sinh: 1974; vợ con: không; tiền án, tiền sự: Không; bắt giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La từ ngày 18/4/2017 cho đến nay; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Lò Văn P, sinh năm 1984, nơi cư trú: bản N, xã P, huyện T, tỉnh Sơn La. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 18/4/2017, Cầm Thanh P cùng với Lường Xuân L; Sinh năm: 2001 trú tại: Bản N, xã C, huyện T và Lường Văn D; Sinh năm: 2000 trú tại: Bản M, xã T, huyện T đang chơi ở ngã ba bản P, xã C thì gặp Quảng Văn S; Sinh năm: 1997 trú tại: Bản N, xã C, huyện T. P rủ S góp tiền đi tìm mua ma túy về sử dụng. S đồng ý nhưng do không có tiền nên P nói với S lấy đồng hồ của S cho P đi cầm cố lấy tiền mua ma túy. Lúc đó L đang ngồi trên xe máy của D nên P bảo L chở P đi đến nhà ông Bạc Cầm N ở bản N, xã C, huyện T để cầm cố đồng hồ. Khi đi đến nhà ông N, P đứng ở ngoài cổng đợi còn L đi vào nhà ông N cầm cố được chiếc đồng hồ cho ông N lấy số tiền 80.000đ, sau đó L quay ra và điều khiển xe máy chở P về chỗ D và S đợi ở ngã ba bản P. Khi L, P đi đến chỗ D và S thì L nói với P, D, S là cầm cố đồng hồ của S được 80.000 đồng. Do chưa đủ tiền mua Hêrôin, P lấy điện thoại di động gọi cho Lò Văn V; Sinh năm: 1991 trú tại: Bản T, xã C, huyện T rủ V góp thêm 20.000 đồng để mua ma túy về sử dụng. V đồng ý và hẹn P lên khu vực hồ N thuộc bản T để gặp V lấy tiền. P bảo D và S đi xe máy lên hồ N trước còn L và P đi bộ lên sau. Sau đó L đưa cho P cầm số tiền 80.000 đồng và cùng P đi bộ lên hồ N gặp V để lấy thêm tiền. Đến hồ N, P, L, S, D đứng đợi, khoảng 05 phút thì V đi xe máy ra gặp và đưa cho P số tiền 20.000 đồng để góp tiền mua ma túy. P cầm tiền V đưa rồi gọi điện thoại di động cho Cà Văn H sinh 1980 trú tại bản B, xã C, huyện T và hỏi mua của H một lượng Hêrôin với giá 100.000 đồng, H đồng ý và hẹn gặp ở ngã ba bản P. P lấy xe máy của V điều khiển đi đến ngã ba bản P gặp H và mua của H 01 gói Hêrôin được gói bằng nilon màu hồng với giá 100.000 đồng. Mua được Hêrôin, P cầm ở tay phải rồi điều khiển xe máy đi về chỗ S, V, L, D đang đợi. Khi P đi đến khu vực bản B thì gặp tổ công tác Công an huyện Thuận Châu yêu cầu kiểm tra. Bị phát hiện nên P đã thả gói Hêrôin từ tay bên phải xuống đường nhưng vẫn bị tổ công tác phát hiện bắt giữ. Tổ công tác đã dẫn giải Cầm Thanh P về Trụ sở UBND xã C lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang.
(BL 63 - 154 HS).

Vật chứng thu giữ gồm: 01 gói ni lông màu hồng bên trong có chứa bột màu trắng (theo Phương khai là Hêrôin); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei màu xám, điện thoại đã qua sử dụng cũ; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave BKS 26 K2 8785. (BL 01 - 02 HS).

Hồi 8 giờ 30 phút ngày 19/4/2017 Công an huyện Thuận Châu phối hợp với Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành bóc mở niêm phong cân tịnh số bột màu trắng đã thu giữ của Cầm Thanh P và xác định được trọng lượng là 0,28 gam, rút 0,05 đánh kí hiệu P1 gửi phòng KTHS Công an tỉnh Sơn La để giám định chất ma túy, còn lại 0,23 gam đánh ký hiệu P2 nhập kho vật chứng. (BL 60 HS).

Tại kết luận giám định số 448 ngày 21/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận “mẫu P1 là chất Hêrôin”. Không hoàn lại mẫu vật gửi giám định (BL 62 HS).

Bản cáo trạng số 108/KSĐT ngày 24/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đề nghị truy tố các bị can Cầm Thanh P, Lò Văn V, Quàng Văn S về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Cầm Thanh Phương, Lò Văn V, Quàng Văn S về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Cầm Thanh P, Lò Văn V, Quàng Văn S phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1,2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Cầm Thanh P mức án từ 14 đến 18 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 18/4/2017 (là ngày bắt giữ bị cáo).

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn V mức án từ 14 đến 18 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 18/4/2017 (là ngày bắt giữ bị cáo).

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Quàng Văn S mức án từ 14 đến 18 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 18/4/2017 (là ngày bắt giữ bị cáo).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 194 BLHS đối với các bị cáo

Áp dụng Điều 41, Điều 42 BLHS , Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 0,23 gam (không phải hai mươi ba gam) chất bột hê rô in được niêm phong trong phong bì thư.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei, số IMEL 1: 861411032468560; số IMEL 2: 861411032473560; đã qua sử dụng cũ;

+ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam Sung vỏ màu đen, số IMEL 1: 356083060534217/01; số IMEL 2: 356084060534215/01; đã qua sử dụng cũ;

+ 01 đồng hồ mặt hình tròn có viền kim loại màu vàng, dây da màu nâu, một bên dây bị đứt $\frac{3}{4}$.

Trả lại cho chủ sở hữu là anh Lò Văn P 01 chiếc xe mô tô hai bánh, loại xe Wave, nhãn hiệu Hon da, BKS 26 K2-8785, số máy 0329729, số khung 656825, màu sơn đen xám đã qua sử dụng.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa, lời khai, lời trình bày ý kiến của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án như: biên bản hỏi cung bị can; biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ, niêm phong, mở niêm phong vật chứng của vụ án để lấy mẫu giám định; kết luận giám định

Lời nói sau cùng của các bị cáo Chăm Thanh P, Lò Văn V, Quàng Văn S: Nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị truy tố, xét xử bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Nay các bị cáo đã thực sự nhận ra lỗi lầm, các bị cáo rất ân hận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo xin miễn hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi tàng trữ trái phép 0,28 gam hê rô in của các bị cáo Chăm Thanh P, Lò Văn V, Quàng Văn S nhằm mục đích sử dụng cho bản thân là vi phạm pháp luật. Bởi, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi mua, tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999 như quan điểm truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu.

Tại Điều 194 BLHS 1999 quy định:

“ 1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm ”.

Tuy Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật nhưng mức hình phạt đối với tội Tàng trữ trái phép ma túy thấp hơn, có lợi hơn cho các bị cáo so với Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại Điều 249 BLHS 2015 quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

.....
c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;
.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Theo Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 và công văn 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Toà án nhân dân tối cao; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 đối với các bị cáo Cầm Thanh P, Lò Văn V, Quảng Văn S để xét xử theo hướng có lợi cho bị cáo, tạo cơ hội cho bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bởi: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy và là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội và an ninh quốc gia. Do đó cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 có mức hình phạt từ 01 đến 05 năm đối với các bị cáo Cầm Thanh P, Lò Văn V, Quảng Văn S.

[4] Xét vị trí vai trò của các bị cáo: Bị cáo P là khởi xướng, chủ động rủ bị cáo S và bị cáo V góp tiền và là người trực tiếp đi mua ma túy về sử dụng. Bị cáo V là người tích cực góp tiền, bị cáo Sơn tích cực cầm cố đồng hồ lấy tiền mua ma túy. Như vậy, vị trí vai trò của các bị cáo là ngang nhau và thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

[5] Xét nhân thân bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ tác hại của ma túy nhưng vẫn phạm tội nên cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật trong việc đấu tranh với tệ nạn ma túy. Cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[6] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo tàng trữ lượng ma túy không lớn, mục đích chỉ để sử dụng cho bản thân; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS. Bị cáo Cầm Thanh P có ông nội là Cầm Văn U được tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba, có bà nội là Lương Thị P được tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS

[7] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự 1999

[8] Đối với hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 194 BLHS. Xét thấy các bị cáo không có khả năng thi hành nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng.

[9] Vật chứng vụ án:

Đối với 0,23 gam (không phải hai mươi ba gam) chất bột hê rô in được niêm phong trong phong bì thư là vật nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei, số IMEL 1: 861411032468560; số IMEL 2: 861411032473560; đã qua sử dụng cũ, thu giữ của bị cáo Cầm Thanh P, xác định bị cáo sử dụng là công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam Sung vỏ màu đen, số IMEL 1: 356083060534217/01; số IMEL 2: 356084060534215/01; đã qua sử dụng cũ, thu giữ của Lò Văn V, xác định bị cáo sử dụng là công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 đồng hồ mặt hình tròn có viền kim loại màu vàng, dây da màu nâu, một bên dây bị đứt $\frac{3}{4}$, thu giữ của Quảng Văn S, xác định bị cáo sử dụng là công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc xe mô tô hai bánh, loại xe Wave, nhãn hiệu Hon da, BKS 26 K2-8785, số máy 0329729, số khung 656825, màu sơn đen xám đã qua sử dụng xác định thuộc quyền sở hữu của anh Lò Văn P, anh P không biết việc bị cáo V sử dụng vào việc mua ma túy cần trả lại cho chủ sở hữu là anh Lò Văn P.

[10] Đối với Lương Văn D; sinh năm: 2000 trú tại: Bản M, xã T, huyện T là người có mặt trong nhóm cùng với P, S, V và L. Quá trình điều tra xác định D không biết việc P, S, V và L cùng nhau bàn bạc góp tiền đi mua Hêrôin. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập đến vấn đề xử lý là đúng quy định pháp luật cần chấp nhận

[11] Đối với Lương Xuân L; Sinh ngày 20 tháng 10 năm 2001, quá trình điều tra xác định là đồng phạm với vai trò là người giúp sức cho P, S và V trong việc đi mua Hêrôin vào ngày 18/4/2017. Tuy nhiên thời điểm L thực hiện hành vi phạm tội L mới 15 tuổi 05 tháng 29 ngày, do đó Lương Xuân L chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, cơ quan điều tra không khởi tố bị can theo quy tại khoản 2, điều 12 Bộ luật hình sự là đúng quy định pháp luật cần chấp nhận

[12] Đối với Cà Văn H sinh 1980 trú tại bản B, xã C, huyện T theo Cầm Thanh P khai là người đã bán cho P 01 gói Hêrôin với giá 100.000 đồng vào ngày 18/4/2017. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra xác minh nhưng H không thừa nhận hành vi của mình. Do chỉ có một lời khai của P ngoài ra không còn chứng cứ khác nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với Cà Văn H là đúng quy định pháp luật cần chấp nhận.

[13] Đối với Bạc Cầm N; Sinh năm: 1938 trú tại: bản N, xã C, huyện T là người cho L cầm cố chiếc đồng hồ với số tiền 80.000 đồng vào ngày 18/4/2017. Quá trình điều tra xác định ông N không biết việc L cầm cố lấy tiền sử dụng vào việc mua Hêrôin, do vậy cơ quan điều tra không đề cập đến vấn đề xử lý đối với ông Bạc Cầm N là đúng quy định pháp luật cần chấp nhận.

[14] Các bị cáo đang bị tạm giam, cần tiếp tục giam giữ các bị cáo trong hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự.

[15] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Cầm Thanh P, Lò Văn V, Quảng Văn S phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Cầm Thanh P 14 (mười bốn) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 18/4/2017 (là ngày bắt giữ bị cáo).

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lò Văn V 14 (mười bốn) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 18/4/2017 (là ngày bắt giữ bị cáo).

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Quảng Văn S 14 (mười bốn) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 18/4/2017 (là ngày bắt giữ bị cáo).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 194 BLHS đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng.

Áp dụng Điều 41, Điều 42 BLHS , Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 0,23 gam (không phải hai mươi ba gam) chất bột kê rô in được niêm phong trong phong bì thư.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei, số IMEL 1: 861411032468560; số IMEL 2: 861411032473560; đã qua sử dụng cũ;

+ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam Sung vỏ màu đen, số IMEL 1: 356083060534217/01; số IMEL 2: 356084060534215/01; đã qua sử dụng cũ;

+ 01 đồng hồ mặt hình tròn có viền kim loại màu vàng, dây da màu nâu, một bên dây bị đứt $\frac{3}{4}$.

Trả lại cho chủ sở hữu là anh Lò Văn P 01 chiếc xe mô tô hai bánh, loại xe Wave, nhãn hiệu Hon da, BKS 26 K2-8785, số máy 0329729, số khung 656825, màu sơn đen xám đã qua sử dụng.

4. Án phí:

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo

Áp dụng Điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND (02 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- CA huyện Thuận Châu;
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã C, huyện T;
- Bị cáo;
- Lưu án văn;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHẪN TÒA**

Lê Thị Chiến

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thuận Châu, ngày 17 tháng 8 năm 2017

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Chiến.

Các Hội thẩm nhân nhân:

1. Ông Lường Văn Pọm
2. Ông Lường Văn Linh

Căn cứ vào Điều 199 và Điều 222 Bộ luật tố tụng hình sự

Vào hồi....giờ....ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại phòng nghị án. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Cầm Thanh Phương và đồng bọn phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Cầm Thanh Phương, Lò Văn Vinh, Quàng Văn Sơn phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Kết quả biểu quyết 3/3 đạt 100%.

2. Về hình phạt

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1,2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo

Cầm Thanh Phương 14 (mười bốn) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 18/4/2017 (là ngày bắt giữ bị cáo).

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lò Văn Vinh 14 (mười bốn) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 18/4/2017 (là ngày bắt giữ bị cáo).

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Quảng Văn Sơn 14 (mười bốn) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 18/4/2017 (là ngày bắt giữ bị cáo).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 194 BLHS đối với các bị cáo.

Kết quả biểu quyết 3/3 đạt 100%.

3. Về vật chứng.

Áp dụng Điều 41, Điều 42 BLHS , Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 0,23 gam (không phẩy hai mươi ba gam) chất bột kê rô in được niêm phong trong phong bì thư.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei, số IMEL 1: 861411032468560; số IMEL 2: 861411032473560; đã qua sử dụng cũ;

+ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam Sung vỏ màu đen, số IMEL 1: 356083060534217/01; số IMEL 2: 356084060534215/01; đã qua sử dụng cũ;

+ 01 đồng hồ mặt hình tròn có viền kim loại màu vàng, dây da màu nâu, một bên dây bị đứt $\frac{3}{4}$.

Trả lại cho chủ sở hữu là anh Lò Văn Phước 01 chiếc xe mô tô hai bánh, loại xe Wave, nhãn hiệu Hon da, BKS 26 K2-8785, số máy 0329729, số khung 656825, màu sơn đen xám đã qua sử dụng.

Kết quả biểu quyết 3/3 đạt 100%.

4. Án phí:

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Kết quả biểu quyết 3/3 đạt 100%.

5. Quyền kháng cáo

Áp dụng Điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Kết quả biểu quyết 3/3 đạt 100%.

Biên bản kết thúc hội giờ....phút cùng ngày. Hội đồng xét xử đã thông qua biên bản nhất trí và cùng ký tên.

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- chủ tọa phiên toà.